

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-XL-DHDCĐ ngày 26/4/2018 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý Công ty. Đồng thời, quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro và những thiệt hại cho Công ty. Quy chế này nhằm điều hành hoạt động của Công ty có hiệu quả và việc kiểm soát quản trị nội bộ Công ty được công khai và minh bạch.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi những quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 2. Định nghĩa

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế.

b. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo hoạt động của Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

c. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

d. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

đ. “Người quản lý công ty” là: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn, Kế toán trưởng.

e. “Ban điều hành” gồm: Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn, Kế toán trưởng.

g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, và/hoặc quy định tại Khoản 34, Điều 6 Luật chứng khoán.

h. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế.

2. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

4. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty

Nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty, Quản trị Công ty phải đảm bảo các nguyên tắc:

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị có hiệu quả;
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
5. Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
6. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả;
7. Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty.

Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 9 và Điều 26 Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.

Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.

c. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.

d. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức, cá nhân khác làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp tổ chức lưu ký được Cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Các đại diện được ủy quyền thực hiện theo Điều 26 Điều lệ Công ty. Mẫu giấy ủy quyền được gửi cho cổ đông kèm tài liệu tham dự Đại hội và công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

a. Ủy quyền biểu quyết: Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết. Việc ủy quyền biểu quyết sẽ hết hiệu lực ngay sau khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền trong trường hợp này được gọi là ủy quyền biểu quyết.

b. Ủy quyền sở hữu: Cổ đông ủy quyền cho người khác thực hiện tất cả các quyền liên quan đến cổ phần của mình, bao gồm: tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; nhận cổ tức và các quyền khác. Người được ủy quyền trong trường hợp này được gọi là ủy quyền sở hữu.

3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

4. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

1. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định;
2. Cổ đông được đối xử công bằng.

Điều 7. Cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn, tạo điều kiện để các cổ đông lớn thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính:

a. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông tham dự đại hội đăng ký theo cách thức được gửi kèm Thư mời họp và theo hướng dẫn của ban tổ chức đại hội tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

c. Cách thức kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu tại cuộc họp sẽ phụ trách việc kiểm phiếu biểu quyết. Đối với những vấn đề chủ yếu và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

d. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu thông báo ngay sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

đ. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

e. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

g. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu) sẽ được Công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

h. Các vấn đề khác: Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các cá nhân, tổ chức khác đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Thủ tục ủy quyền sẽ được Công ty gửi và ghi cụ thể trong Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo tài chính năm có khoản ngoại trừ trọng yếu.

5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

6. Hằng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 9. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội

đồng cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm những nội dung chính sau:

1. Thủ tục đăng ký và thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông;
2. Khai mạc Đại hội đồng cổ đông: thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và kiểm phiếu;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tài chính: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gồm các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3, Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
 - d. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b, khoản 1, Điều 134 Luật doanh nghiệp;
 - đ. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - e. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc;
 - g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
 - h. Các kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong tương lai.
4. Báo cáo của Ban điều hành Công ty trong năm tài chính;
5. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm tài chính gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3, Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
 - đ. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
7. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức trong năm tài chính;
8. Các vấn đề khác cần được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;
9. Bế mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Trình tự, thủ tục ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:

- Cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều này và cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần theo tỷ lệ quy định tại Khoản 3, Điều 9 Điều lệ Công ty có quyền đề cử hoặc tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần.

- Việc đề cử hoặc tự ứng cử được thực hiện bằng văn bản theo mẫu do Công ty quy định và phải gửi về trụ sở chính Công ty chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

- Trường hợp tự ứng cử, đề cử tại Đại hội đồng cổ đông cũng phải thực hiện bằng văn bản và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định

được trước các ứng viên) được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Lợi ích liên quan tới Công ty (nếu có).
- Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị được bầu theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông sẽ có một Phiếu bầu thành viên hội đồng quản trị có ghi số cổ phần mà cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện số quyền biểu quyết mà cổ đông có.

- Mỗi cổ đông sẽ có tổng số quyền biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải bầu tại Đại hội đồng cổ đông. Khi bầu, cổ đông có toàn quyền quyết định mức chia tỷ lệ biểu quyết này, hoặc có thể dồn hết cho một thành viên, hoặc chia đều, hoặc chia theo tỷ lệ khác sao cho tổng số quyền biểu quyết mà mình phân phối cho số thành viên phải bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông không quá tổng số quyền biểu quyết mà mình có.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Căn cứ vào tỷ lệ phiếu bầu của Đại hội đồng cổ đông, chọn ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu cao nhất từ trên xuống đến khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định. Trường hợp 02 ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau, ứng viên được chọn là ứng viên sở hữu số cổ phần cao hơn. Nếu số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch đoàn quyết định theo phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

6. Sau khi có kết quả bầu cử, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo nguyên tắc biểu quyết và quyết định theo đa số.

7. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

8. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin bất thường ra công chúng. Hình thức công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị của Công ty theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 34 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của

pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trường hợp vắng mặt phải thông báo đến Chủ tịch Hội đồng quản trị và ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết trong cuộc họp hoặc gửi phiếu biểu quyết đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

3. Sổ Biên bản hoặc Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp.

4. Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được ban hành đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản, nghị quyết và các báo cáo, tài liệu liên quan đến cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở của Công ty. Nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5, Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông

theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát và trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty.

b) Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận Kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty.

3. Cách thức đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát: Cá nhân đủ điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền tự ứng cử vào Ban kiểm soát; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần theo tỷ lệ quy định tại Khoản 3, Điều 9 Điều lệ Công ty có quyền đề cử người đủ tiêu chuẩn vào thành viên Ban Kiểm soát tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm,

bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin bất thường ra công chúng. Hình thức công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các Điều 44, 45 và 46 Điều lệ Công ty. Ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác; sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 tổng số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 21. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty có một Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối, Giám đốc lĩnh vực chuyên môn và Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua đúng quy định.

Điều 22. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý khác tại Công ty

1. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Tổng giám đốc:

Ứng cử viên Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn bổ nhiệm các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn:

a) Có phẩm chất đạo đức, có ý thức chấp hành quy định Công ty;

b) Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;

c) Do Tổng Giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho Hội đồng quản trị.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định tại Điều 52 Luật Kế toán;

b) Có phẩm chất đạo đức, trung thực, có ý thức chấp hành quy định, chế độ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và của Công ty;

c) Phải có chuyên môn nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất 02 năm và có chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật về kế toán;

d) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho Hội đồng quản trị.

Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc chấp thuận đơn từ chức của Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn, Kế toán trưởng Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với người được đề xuất vào chức vụ Tổng giám đốc và biểu quyết thông qua quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc.

3. Tổng giám đốc có quyền đề xuất và giới thiệu cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn, Kế toán trưởng Công ty.

4. Sau khi tập hợp đủ danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí quản lý, Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Nếu ứng viên đạt tối thiểu 2/3 ý kiến biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị ra nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.

Điều 24. Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn

Các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo sự phân công ủy quyền của Tổng giám đốc. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật dân sự.

Mối quan hệ làm việc giữa Tổng giám đốc, các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn thực hiện theo Quy chế hoạt động SXKD nội bộ.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Cán bộ quản lý

Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khi xin từ chức, phải làm đơn gửi người quản lý trực tiếp của mình. Người quản lý trực tiếp có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến và ra quyết định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến phê chuẩn của người quản lý trực tiếp, Cán bộ quản lý đó phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình tại đúng vị trí đã được bổ nhiệm.

Cán bộ quản lý Công ty có thể bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển Cán bộ Công ty;
- Do sức khỏe của cán bộ quản lý không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy định Nội quy, Quy chế Công ty; vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt Hợp đồng lao động.

Điều 26. Thông báo về quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấp thuận đơn từ chức thành viên Ban điều hành Công ty

Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấp thuận đơn từ chức thành viên Ban điều hành công ty, Công ty phải công bố thông tin bất thường ra công chúng. Hình thức công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT – TỔNG GIÁM ĐỐC – CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

MỤC I. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Vị trí, vai trò của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành có tính chất bắt buộc đối với Ban Giám đốc, Cán bộ quản lý và các bộ phận khác của Công ty.

Điều 28. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đều là cơ quan quản trị của Công ty. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát tính tuân thủ.

2. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trường hợp cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát có thể cử thêm các thành viên khác của Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trước phiên họp.

4. Tất cả các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban kiểm soát.

Điều 29. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng quản trị tạo điều kiện để Ban điều hành thực hiện tốt chức năng của mình. Ban điều hành tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Ban điều hành, các thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi trực tiếp với thành viên Ban điều hành để giải quyết kịp thời.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.

4. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, nếu

Tổng giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để giải quyết.

MỤC II. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Vị trí, vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước cổ đông về kiểm soát việc ban hành, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, quyền hạn của mình theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 31. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Cán bộ quản lý khác nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và phát triển Công ty.

2. Chương trình, nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời gian gửi tới thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các Nghị quyết Hội đồng quản trị được gửi tới thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đồng thời gửi tới Ban kiểm soát.

Điều 32. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát và các bộ phận khác

Để thực hiện hoạt động giám sát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu cung cấp:

- Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Các báo cáo của Tổng giám đốc đối với Hội đồng quản trị.
- Các thông tin, tài liệu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ.
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát phải nêu rõ lý do trong thông báo yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình kiểm tra, giám sát.

MỤC III. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Vị trí, chức năng của Tổng giám đốc

- Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Tổng giám đốc phân công hoặc ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số chức năng, lĩnh vực hoạt động của Công ty cho các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn thực hiện. Các Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và phải liên đới chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.

Điều 34. Mối quan hệ làm việc giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị

1. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng các phương án hoạt động kinh doanh trình Hội đồng quản trị xem xét và phê chuẩn, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không có quyết định điều chỉnh, Tổng giám đốc phải thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết và các Quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định đó trong thời gian sớm nhất.

5. Trong trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có sự thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực khắc phục tình trạng thua lỗ, Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 35. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Tổng giám đốc phải tổ chức và chủ trì các cuộc họp định kỳ hằng tháng, quý để triển khai kế hoạch công việc theo Quy chế hoạt động SXKD nội bộ Công ty.

2. Trong các cuộc họp tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm hoặc các cuộc họp để chuẩn bị các đề án, các nội dung liên quan trình Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền mời Hội đồng quản trị tham dự. Căn cứ vào nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể trực tiếp tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự để chỉ đạo và phối hợp chuẩn bị nội dung.

Chương trình và các tài liệu liên quan cần được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày cho các thành viên tham gia cuộc họp để họ có thời gian tìm hiểu và tham gia ý kiến tại cuộc họp.

3. Biên bản các cuộc họp phải được lập, ban hành đến cán bộ tham gia cuộc họp và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

4. Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Ủy quyền giải quyết công việc

Những nội dung công việc do Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện thì không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Trường hợp ủy quyền thì phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.

Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản và được ban hành đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị và các đối tượng có liên quan.

Điều 37. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty

Hội đồng quản trị xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị làm cơ sở đánh giá định kỳ hàng năm hoặc theo nhiệm kỳ.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp; Giao dịch với người có liên quan; Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định theo Điều 57 Điều lệ Công ty.

2. Các giao dịch với người có liên quan; Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều 58 Điều lệ Công ty.

Điều 39. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG VIII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 40. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 41. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134

Luật doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 42. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 43. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 44. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 45. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Tổ chức thi hành

1. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

Điều 47. Sửa đổi bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những nội dung mới cần phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng quản trị sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung theo trình tự được quy định trong Điều lệ Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Quý Định

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Định nghĩa	1
Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty.....	2
CHƯƠNG II.....	3
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 4. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông	3
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	3
Điều 6. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.....	4
Điều 7. Cổ đông lớn	4
Điều 8. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	5
Điều 9. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	7
CHƯƠNG III.....	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 11. Trình tự, thủ tục ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị.....	10
Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	10
Điều 15. Hợp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty.....	11
CHƯƠNG IV	12
BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát và trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm	12
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	13
Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	13
Điều 20. Cuộc họp của Ban kiểm soát	13
CHƯƠNG V.....	14
TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY.....	14
Điều 21. Tổ chức bộ máy quản lý	14
Điều 22. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý khác tại Công ty	14
Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	14
Điều 24. Giám đốc Khối và Giám đốc lĩnh vực chuyên môn.....	15
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Cán bộ quản lý	15
Điều 26. Thông báo về quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấp thuận đơn từ chức thành viên Ban điều hành Công ty	15
CHƯƠNG VI	16
MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT – TỔNG GIÁM ĐỐC – CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY	16
Điều 27. Vị trí, vai trò của Hội đồng quản trị.....	16
Điều 28. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	16
Điều 29. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành	16
Điều 30. Vị trí, vai trò của Ban kiểm soát	17
Điều 31. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát	17
Điều 32. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát và các bộ phận khác	17

Điều 33. Vị trí, chức năng của Tổng giám đốc.....	18
Điều 34. Mối quan hệ làm việc giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị.....	18
Điều 35. Chế độ hội họp, báo cáo.....	19
Điều 36. Ủy quyền giải quyết công việc.....	19
Điều 37. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty.....	19
CHƯƠNG VII.....	20
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	20
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp; Giao dịch với người có liên quan; Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	20
Điều 39. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.....	20
CHƯƠNG VIII.....	20
BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	20
Điều 40. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	20
Điều 41. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty.....	20
Điều 42. Công bố thông tin về quản trị công ty.....	21
Điều 44. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát viên, Tổng giám đốc.....	21
Điều 45. Tổ chức công bố thông tin.....	21
CHƯƠNG IX.....	22
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	22
Điều 46. Tổ chức thi hành.....	22
Điều 47. Sửa đổi bổ sung.....	22